TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 8 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Hoàng Khởi.
Bà Trương Ánh Hoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Thanh Quốc – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 427/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trang N – sinh năm: 1986 (có mặt).
Địa chỉ: Đăng ký Hộ khẩu thường trú tại số 32.5, tầng 32, Block 1B, khu dân cư P, số 89, đường V, tổ 40, khu phố 4, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trú tại số 1979/23/1/15, đường H, khu phố 6, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Trang N có Luật sư Phạm Thị Ngọc Y là Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).
Địa chỉ: Số 122-124, đường L, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trần Hải N – sinh năm: 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: Đăng ký Hộ khẩu thường trú tại số 32.5, tầng 32, Block 1B, khu dân cư P, số 89, đường V, tổ 40, khu phố 4, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ nơi làm việc: Số 158E, đường N, khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/4/2018 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trang N trình bày: Chị và anh Trần Hải N kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 4 năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ việc anh

N không quan tâm, chăm sóc gia đình, đỉnh điểm là khi chị sinh con, mâu thuẫn phát sinh từ kinh tế gia đình, mâu thuẫn phát sinh giữa chị và gia đình anh N. Gia đình hai bên đã hòa giải, bàn bạc và đi đến thống nhất với quyết định của anh chị về việc ly hôn. Trước khi ly hôn chị và anh N đã thỏa thuận phân chia xong tài sản chung của vợ chồng. Ngoài ra, để cung cấp chứng cứ cho vụ án, khi chị đến liên hệ Công an phường S, thành phố C để xác minh địa chỉ của anh N thì anh N có hành đồng kẹp cổ, hành hung chị, sự việc đã được Công an nhân dân phường S thành phố C lập biên bản và xử phạt hành chính cả chị và anh N. Chị và anh N đã ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh N

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Bạch D, sinh ngày 23/9/2015. Hiện con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chị đồng ý.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai cũng không ai nợ lại anh chị.

* Tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2018, bản tự khai, anh Trần Hải N trình bày: Về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị N đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn, việc mâu thuẫn này xuất phát từ đặc thù về thời gian công việc của anh và chị. Anh thừa nhận, đôi khi anh có đi nhậu nhưng việc đi nhậu cũng chỉ là vì công việc, trong thời gian rảnh, anh thường xuyên chăm lo cho vợ và con. Việc chị N trình bày anh hành hung chị tại Công an phường S, thành phố C là không đúng. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, yêu cầu Tòa án hàn gắn vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Bạch D, sinh ngày 23/9/2015. Hiện con đang sống chung với chị N. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho ly hôn, anh thống nhất tiếp tục giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà số 1979/23/1/15, đường H, khu phố 6, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà này lúc mua giá 2.300.000.000đ. Nhà này anh, chị hùn số tiền 1.050.000.000đ để cùng với mẹ vợ là bà bà Huỳnh Thị L cùng mua và hiện nay bà Huỳnh Thị L đang đứng tên. Vàng cưới 10 lượng vàng 24k, do mẹ vợ là bà Huỳnh Thị L đang giữ. Phần tài sản chung anh thống nhất với yêu cầu của chị N, tự thỏa thuận với chị N, không yêu cầu Tòa án phân chia.

Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai cũng không ai nợ lại anh chị.

Tại phiên tòa vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Hiện tại mục đích hôn nhân của chị N và anh N không đạt được, về con chung chị N có đủ điều kiện về thời gian, kinh tế và sự quan tâm đối với con chung

nên yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N ly hôn với anh N và tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Trang Nhã và anh Trần Hải N kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 09/4/2010 tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau đúng quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Trang N yêu cầu ly hôn với anh Trần Hải N. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Hải N là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu tại 32.5, tầng 32, Block 1B, khu dân cư P, số 89, đường H, tổ 40, khu phố 4, phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến ngày thụ lý đơn khởi kiện thì anh N và chị N đã bán căn hộ nói trên, anh N không còn sinh sống tại Quận B Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khi anh N không cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện tại của anh N, chị N cung cấp chứng cứ thể hiện anh N đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn V có địa chỉ trụ sở thuộc khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tại phiên tòa, anh N vắng mặt không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập anh N tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N yêu cầu ly hôn với anh N vì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ tháng 10/2017 đến nay, trong thời gian anh chị ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với anh N. Trong khi anh N xác định còn thương vợ con nên yêu cầu hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng anh N không đưa ra được biện pháp cụ thể để nhằm khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn của anh chị không chỉ là những mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trong cuộc sống hàng ngày, mà còn mâu thuẫn phát sinh trong mối quan hệ giữa chị N và gia đình anh N, điều này cũng được anh N, chị N thừa nhận. Mối quan hệ của anh chị đang tồn tại nhiều mâu thuẫn, đã được gia đình hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục mâu thuẫn được. Việc hàn gắn mối quan hệ vợ chồng đã bị rạn nứt còn phải phụ thuộc vào tình cảm của cả vợ, chồng và trên cơ sở tự nguyện từ hai phía. Trong khi chị Nhã kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với anh N và không muốn tiếp tục chung sống nên mối quan hệ vợ chồng của anh chị là khó có thể hàn gắn được, nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Bạch D, sinh ngày 23/9/2015. Hiện con đang sống chung với chị N. Khi ly hôn anh N chị N thống nhất tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Dù chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng cho đến khi con chung Trần Bạch D đủ 18 tuổi. Vì quyền lợi của con chung và sự thỏa thuận này phù hợp với pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét

xử ghi nhận sự thỏa thuận và tự nguyên của anh chị. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trang N và anh Trần Hải N thống nhất không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong vụ án này. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Trang N và anh Trần Hải N thống nhất xác định không có nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí dân sự về hôn nhân gia đình chị N phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi đã được thỏa thuận tại phiên họp hòa giải, trước khi mở phiên tòa nên anh N phải chịu án phí theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trang N được ly hôn với anh Trần Hải N

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trần Bạch D, sinh ngày 23/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Trang N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Hải N cấp dưỡng nuôi con chung Trần Bạch D, mỗi tháng 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Trần Hải N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Trang N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Hải N không tự nguyện thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung: Các đương không yêu cầu phân chia. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự về hôn nhân và gia đình 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* chị Nguyễn Thị Trang N phải nộp. Ngày 24/4/2018 chị Nguyễn Thị Trang N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0000692 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu. Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* anh Trần Hải N phải nộp (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.C;
- UBND phường S, Tp.C, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.